

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DS-ST  
Ngày 22/11/2021  
*“V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán vật tư nông nghiệp”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lư Quốc Thịnh**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông **Lê Hoàng Vũ**

2- Bà **Hà Thị Lệ Thi**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 32/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 25/2021/TB-TAH ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Truyền T**, sinh năm 1962 (chủ hộ kinh doanh Nguyễn Truyền T).

Địa chỉ: Ấp K Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh KG.

2. *Bị đơn:* Anh **Hà Văn T1**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện U, tỉnh KG. (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1969. (vợ ông T, có mặt)

Địa chỉ: Ấp K Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh KG.

(Bà D đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Truyền T)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2021 và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Truyền T, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị D trình bày và yêu cầu như sau:*

Từ đầu năm 2012, anh Hà Văn T1 có đến cửa hàng của ông T để mua vật tư nông nghiệp. Thời gian đầu hai bên không xảy ra tranh chấp gì với nhau, cho đến ngày 06/01/2013 thì anh T1 không mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ông T nữa. Hai bên đối chiếu tiền nợ thì anh T1 còn nợ ông T số tiền là 32.234.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Ông T đến nhà yêu cầu thanh toán nợ nhiều lần nhưng anh T1 chỉ hứa hẹn mà không trả nợ. Vì vậy ông T nộp đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp A, xã A, huyện U, tỉnh KG để giải quyết nhưng không thành. Ngày 17/7/2018 chính quyền địa phương tổ chức hòa giải thì anh T1 thống nhất còn nợ ông T tổng số tiền 32.234.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Anh T1 cam kết trả số nợ trên thành hai lần, tháng 11 năm 2018 trả một nửa, số còn lại ra tết năm 2019 sẽ trả hết phần còn lại, nhưng đến nay cũng không thực hiện theo cam kết.

Ông T khởi kiện yêu cầu anh T1 trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 32.234.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng) và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị D là người đại diện theo ủy quyền của ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu anh T1 phải trả số tiền còn nợ là 32.234.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn anh Hà Văn T1 được Tòa án thông báo và triệu tập tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của nguyên đơn.*

*Tại phiên tòa:* Bà D yêu cầu giữ nguyên yêu cầu giải quyết buộc anh T1 trả cho ông T số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 32.234.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của ông T đối với anh T1 là tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp, cụ thể là mua bán phân, thuốc bảo

vệ thực vật, giao dịch được xác lập từ năm 2012 đến năm 2013 các bên đã đối chiếu nợ và chấm dứt giao dịch và theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Truyền T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Bị đơn anh Hà Văn T1 được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T1 trả cho ông T số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 32.234.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản hòa giải ngày 17/7/2018 tại ấp A, xã A, anh Hà Văn T thừa nhận còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của ông T số tiền 32.234.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Anh T1 và người đại diện của ông T thỏa thuận thống nhất thời gian trả nợ nhưng sau đó anh T1 không thực hiện theo thỏa thuận.

Từ chứng cứ nêu trên có cơ sở để xác định anh T1 có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ông T và còn nợ ông T số tiền là 32.234.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa đã nhiều lần thông báo cho anh T1 về yêu cầu khởi kiện của ông T, nhưng anh T1 vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh T1 không trả tiền cho bên bán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005. Về nguyên tắc bên mua phải trả lãi kể từ ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét.

Do đó, qua trao đổi Hội đồng xét xử thống nhất buộc anh T1 phải trả cho ông T số tiền còn nợ là 32.234.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng), khi nào bản án có hiệu lực pháp luật thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng anh Hà Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là  $32.234.000đ \times 5\% = 1.612.000đ$  (Một triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng).

Ông Nguyễn Truyền T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 860.000đ (Tám trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000680 ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 39, 94, 147, điểm b Điều 227, khoản 2,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Truyền T với anh Hà Văn T1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp.

2. Buộc anh Hà Văn T1 trả cho ông Nguyễn Truyền T số tiền 32.234.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là  $32.234.000đ \times 5\% = 1.612.000đ$  (Một triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng).

Ông Nguyễn Truyền T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 860.000đ (Tám trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000680 ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/11/2021). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được T đặt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện cùng cấp;
- THADS huyện cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lư Quốc Thịnh**